TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G-TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16/02/2023
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt;

Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đăng Đán và ông Hoàng Công Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Cường, Thẩm tra viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G: Bà Vũ Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 16/02/2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 37/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/11/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST – HNGĐ ngày 16/01/2023 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Phùng Thị D, sinh năm 1992; Có mặt
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Kim Đ, sinh năm 1991; Vắng mặt

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn C, xã T, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản khai, nguyên đơn là chị Phùng Thị D trình bày: Chị và anh Nguyễn Kim Đ đăng ký kết hôn ngày 17/12/2018 tại UBND xã T, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc tại thôn C, xã T, huyện G.

Theo chị, vợ chồng mâu thuẫn vì anh Đ lười biếng, không chịu khó làm ăn dẫn đến vợ chồng cãi vã lẫn nhau. Anh Đ còn mang tài sản trong nhà đi bán lấy tiền ăn tiêu. Chị và bố mẹ chồng chị đã khuyên can nhưng anh Đ không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2019 đến nay. Khi ly thân chị về Bắc Phong, Cao Phong, Hòa Bình sinh sống cùng bố mẹ đẻ. Hiện chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã lâu nên chị xin ly hôn anh Nguyễn Kim Đ.

Con chung, tài sản chung, nợ chung: không có nên chị không đề nghị tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Kim Đ vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng của vụ án nên không có lời trình bày. Qua xác minh tại UBND xã T và lấy lời khai của bà

Nguyễn Thị H là mẹ đẻ anh Đ xác định anh Đ, chị D có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện G, tỉnh Bắc Ninh ngày 17/12/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chị D, anh Đ sống hòa thuận, hạnh phúc tại C, T khoảng 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm và sống ly thân từ đó đến nay. Sau khi ly thân, hai bên không liên lạc với nhau. Chị D và anh Đ không có con chung, tài sản chung, nợ chung. Chị D xin ly hôn, anh Đ đồng ý nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến. Bà Hợp xác định bà đã giao đầy đủ những văn bản tố tụng cho anh Đ nhưng anh Đ vẫn không đến Tòa án trình bày quan điểm, nguyện vọng của bản thân vì lý do bận việc.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh Đ vắng mặt nên không hòa giải thành.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án là đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn tham gia phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn không có mặt tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử nhưng đã được tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ văn bản tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 9, 19, 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; xét xử:

- Chị Phùng Thị D được ly hôn anh Nguyễn Kim Đ.

- Con chung, tài sản, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh Nguyễn Kim Đ có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã T, huyện G, tỉnh Bắc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án huyện G thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Anh Nguyễn Kim Đ vắng mặt, Tòa án đã tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh Đ theo quy định của pháp luật. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2]. Quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị D và anh Nguyễn Kim Đ kết hôn ngày 17/12/2018, được UBND xã T, huyện G cho đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa anh và chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 3/2019 đến nay không liên lạc với nhau. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình

năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không Đ được, thời gian sống ly thân đã lâu nên cần xử cho chị D được ly hôn anh Đ.

Con chung, tài sản chung, nợ chung: không có, không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Án phí: Chị Phùng Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu về điều luật áp dụng và đường lối xử lý là phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 91, 144, 147, 228; 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 19, 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị D được ly hôn anh Nguyễn Kim Đ
- Con chung, tài sản, nợ chung: không xem xét giải quyết

2. Án phí: Chị Phùng Thị D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2021/0007111 ngày 22/11/2022, của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *Tòa án, VKS tỉnh Bắc Ninh;*
- *VKS và THADS huyện G;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND xã T*
- *Lưu hồ sơ, Văn phòng.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Thị Minh Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**